

Bản án số: 412/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2019

Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phước T**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số 1645/8 đường P, Khu phố 3, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Tuấn A**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: 56/36 đường C, Khu phố 3, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phước T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông Huỳnh Tuấn A qua thời gian tìm hiểu 01 (một) năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 12/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 02 (hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông A có những lời nói thiếu tôn trọng bà. Bà và ông A không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, mặc dù cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tuấn A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bà T cam kết việc ly hôn của bà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý nào và bà chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2019 bị đơn ông Huỳnh Tuấn A trình bày: Ông xác nhận quá trình kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà T trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cả hai đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Ông xác định ông và bà T không còn tình cảm với nhau nên đồng ý ly hôn với bà T.

Ông Huỳnh Tuấn A vắng mặt không có lý do trong quá trình hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý...; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Phước T yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tuấn A nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Huỳnh Tuấn A cư trú tại Quận B nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phước T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng

vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phước T và ông Huỳnh Tuấn A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 12/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, cùng lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai bên đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài nhưng không có giải pháp khắc phục; cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa bà T và ông A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phước T được ly hôn với ông Huỳnh Tuấn A (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 12/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận B, Tp Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phước T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026705 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phước T và ông Huỳnh Tuấn A có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thơm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Sương